TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 84/2023/DS-PT
Ngày:18-5-2023
V/v Tranh chấp Bồi thường thiệt hại về tài sản và đòi lại quyền sử dụng đất.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Tăng Thị Thúy Nga.

Các Thẩm phán: Ông Phạm Hùng Nuôi

Bà Tôn Thị Thanh Thúy

- Thư ký phiên tòa: Ông Kim Mộc Nam – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân nhân tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa*:** Bà N Thị Như Huỳnh - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 05 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 47/2023/TLPT-DS ngày 10 tháng 4 năm 2023, về "Tranh chấp bồi thường thiệt hại về tài sản và đòi lại quyền sử dụng đất".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 45/2022/DS-ST, ngày 28 tháng 12 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Sóc Trăng bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 75/2023/QĐ-PT ngày 24 tháng 4 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Văn C, sinh ngày 01/01/1946; (có mặt)

Địa chỉ: Số 23, ấp X, xã M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

- *Các bị đơn:*

1/ Ông Quách Thành T1, sinh ngày 16/4/1964 (có mặt);

2/ Ông Quách Thành T2, sinh ngày 27/5/1987 (có mặt);

Cùng địa chỉ: Số 368, ấp X, xã M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1/ Bà Phạm Thị N, sinh ngày 01/01/1951; Địa chỉ: Số 23, ấp X, xã M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

2/ Bà Nguyễn Thị Kim M, sinh ngày 16/4/1964; Địa chỉ: Số 368, ấp X, xã M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

-*Người kháng cáo:* Ông **Nguyễn Văn C** là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Nguyễn Văn C trình bày:*

Vào ngày 18-4-2020, ông T2 có thực hiện việc đốt cỏ, lá cây giáp ranh đất của ông C đã làm cháy lan qua đất của ông C, làm chết 09 (Chín) cây dừa một năm tuổi; 100 (Một trăm) cây tràm một năm tuổi; 05 (Năm) cây cà na một năm tuổi; 06 (Sáu) cây chuối gần cho trái; 15 (Mười lăm) cây tràm tai tượng hai năm tuổi. Tổng thiệt hại khoảng trên 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng).

Mặt khác, vào các năm 2013, 2014 và 2015, ông T1 cho rằng ông C tái lấn chiếm đất nên đã 03 (Ba) lần đập phá tường rào của ông C với thiệt hại khoảng 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng), gồm: 800 (Tám trăm) viên gạch ống, 06 (Sáu) bao xi măng, 01 (Một) khối cát, 01 (Một) cuộn chì gai. Sự việc này ông C đã khiếu nại đến Ủy ban nhân dân xã nhưng đến nay vẫn chưa giải quyết, đồng thời có báo Kinh tế nông thôn Sóc Trăng đăng ngày 25-11-2015 phản ảnh vụ việc nhưng vẫn không có kết quả.

Do vậy, ông C yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc ông T2 phải bồi thường thiệt hại về cây trồng do đốt rác với số tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng); ông T1 phải bồi thường thiệt hại các lần đập phá tường rào với số tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng), tổng số tiền phải bồi thường là 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng). Đồng thời, buộc ông T2 và ông T1 cam kết không được cố tình làm thiệt hại đến tài sản của ông C nữa.

** Theo đơn phản tố và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Quách Thành T1 trình bày:*

Ông T1 có phần đất tại các thửa đất số 389, 444, cùng tờ bản đồ số 06, có tổng diện tích 1.690m^2 (530m^2 + 1.160 m^2), tọa lạc tại ấp X, xã M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng được Ủy ban nhân dân huyện M cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất các ngày 26-4-2005, 12-3-2009. Giáp ranh với thửa đất số 444 của ông T1 là đất của các ông C và bà N. Vào năm 2011, giữa ông C và ông T1 có tranh chấp ranh đất, được Tòa án nhân dân huyện M xét xử giải quyết tranh chấp tại Bản án số 08/2011/DSST ngày 07-03-2011 đã có hiệu lực pháp luật. Theo đó, Tòa án nhân dân huyện M đã buộc ông C, bà N trả lại cho ông T1 phần đất với diện tích 13,687m^2 thuộc thửa đất số 444, tờ bản đồ số 06, tọa lạc tại ấp X, xã M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng. Khi Bản án số 08/2011/DSST có hiệu lực pháp luật, ông T1 có đơn yêu cầu thi hành án, nhưng do ông C, bà N không tự nguyện thi hành án, ngày 18-11-2011, Chi cục Thi hành án dân sự huyện M đã tổ chức cưỡng chế và bàn giao đất cho ông T1.

Căn cứ kết quả thi hành án tại Biên bản cưỡng chế giao tài sản ngày 18-11-2011, ông T1 tiến hành xây dựng tường rào trên phần đất thuộc quyền sử dụng hợp pháp của mình, nhưng đã bị ông C, bà N cố tình đập phá làm hư hỏng

hoàn toàn vào năm 2016 và năm 2017. Không những thế, ông C, bà N còn ngang nhiên vào bao chiếm thêm đất của ông T1 và bà M với diện tích khoảng 183,2m^2 (theo đo đạc thực tế) và cho người vào cưa cây keo tai tượng do ông T1 trồng từ trước năm 2009 để bán cho ông Nguyễn Văn B với số lượng 10 cây, trong đó có cây có đường kính của gốc cây gần 0,5 mét.

Do vậy, đối với yêu cầu khởi kiện của ông C, thì ông T1 không đồng ý bồi thường vì việc tháo dỡ tường rào do ông C xây dựng trên phần đất của ông T1 và được Ủy ban nhân dân xã M cưỡng chế tháo dỡ chứ không phải do ông T1 đập phá làm thiệt hại. Đồng thời, ông T1 phản tố yêu cầu Tòa giải quyết:

1. Buộc ông C và bà N phải liên đới bồi thường cho ông T1 thiệt hại tường rào bị đập phá với số tiền 4.169.000 đồng (Bốn triệu, một trăm sáu mươi chín nghìn đồng); thiệt hại về cây trồng là 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng), tổng số tiền là 14.169.000 đồng (Mười bốn triệu, một trăm sáu mươi chín nghìn đồng).

2. Buộc ông C và bà N phải trả cho ông T1 phần đất có diện tích 183,2m^2 (theo đo đạc thực tế) thuộc thửa đất 389 và 444, cùng tờ bản đồ số 06, tọa lạc tại ấp X, xã M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

** Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Quách Thành T2 trình bày:*

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông C thì ông T2 không đồng ý vì cây trồng bị cháy là do ông C tự ý trồng trên đất của ông T1 là cha của ông T2.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị N trình bày:*

Bà N thống nhất với trình bày của ông C, không có ý kiến gì thêm. Đối với yêu cầu phản tố của ông T1 thì bà N không đồng ý.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà N Thị Kim M trình bày:*

Bà M thống nhất với trình bày của ông T1, không có ý kiến gì thêm. Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông C thì bà M không đồng ý.

Sự việc được Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Sóc Trăng thụ lý, giải quyết. Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 45/2022/DS-ST, ngày 28 tháng 12 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Sóc Trăng đã quyết định:

Căn cứ khoản 6, 9 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 157, Điều 158, Điều 165, Điều 166; Điều 244; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 của Bộ Luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 166, Điều 203 của Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ các Điều 166, 278; 357; 584; 585; 586; 587 và 589 của Bộ luật Dân sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 1, 4, 5 Điều 26 và khoản 1 Điều 27 của Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn C.

Buộc ông Quách Thành T2 có trách nhiệm bồi thường cho ông Nguyễn Văn C và bà Phạm Thị N số tiền thiệt hại cây trồng là 4.786.988 đồng (Bốn triệu, bảy trăm tám mươi sáu nghìn, chín trăm tám mươi tám đồng).

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn C về việc yêu cầu ông Quách Thành T1 bồi thường thiệt hại hàng rào số tiền 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng).

3. Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của ông Quách Thành T1.

- Buộc ông Nguyễn Văn C và bà Phạm Thị N liên đới bồi thường cho ông Quách Thành T1 và bà Nguyễn Thị Kim M số tiền thiệt hại hàng rào là 3.140.000 đồng (Ba triệu, một trăm bốn mươi nghìn đồng).

- Buộc ông Nguyễn Văn C và bà Phạm Thị N có nghĩa vụ trả cho ông Quách Thành T1 và bà N Thị Kim M phần đất có diện tích 181,9m^2 thuộc các thửa đất 389 và 444, tờ bản đồ số 06, tọa lạc tại ấp X, xã M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng, có tứ cạnh: hướng Đông giáp phần đất của ông Võ Thành Hiệp, số đo 10,22m; hướng Tây giáp phần đất thuộc quyền sử dụng của ông Quách Thành T1 và bà N Thị Kim M đã được giải quyết tại Bản án số 08/2011/DSST ngày 07-3-2011 của Tòa án nhân dân dân huyện M, số đo 13,13m; hướng Nam giáp Sông, số đo 16,24m; Hướng Bắc giáp phần đất còn lại thuộc các thửa đất 389 và 444, tờ bản đồ số 06, tọa lạc tại ấp X, xã M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng do ông Quách Thành T1 và bà N Thị Kim M đang quản lý sử dụng không có tranh chấp, số đo 15,56m (có sơ đồ bản vẽ kèm theo).

- Giao cho ông Quách Thành T1 và bà N Thị Kim M tiếp tục quản lý, sử dụng ổn định các cây trồng theo kết quả thẩm định tại chỗ ngày 02-7-2021, gồm: 09 (Chín) cây keo lá tràm ba năm tuổi; 08 (Tám) cây dừa một năm tuổi và 01 (Một) cây chuối loại B.

- Ông Quách Thành T1 và bà N Thị Kim M có nghĩa vụ thanh toán cho ông Nguyễn Văn C và bà Phạm Thị N phần giá trị các cây trồng nêu trên số tiền là 12.237.450 đồng (Mười hai triệu, hai trăm ba mươi bảy nghìn, bốn trăm năm mươi đồng).

- Ông Nguyễn Văn C và bà Phạm Thị N có nghĩa vụ di dời các loại cây trồng mới phát sinh sau khi Tòa án thẩm định tại chỗ ngày 02-7-2021, gồm: 06 (sáu) cây dừa dưới một năm tuổi, 04 (Bốn) cây cà na dưới một năm tuổi, 07 (bảy) cây chuối dưới một năm tuổi ra khỏi phần đất có diện tích 181,9m^2 thuộc các thửa đất 389 và 444, tờ bản đồ số 06, tọa lạc tại ấp X, xã M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng để giao trả đất cho ông Quách Thành T1 và bà N Thị Kim M.

4. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Quách Thành T1 về việc yêu cầu Nguyễn Văn C và bà Phạm Thị N bồi thường số tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) giá trị của 10 (Mười) cây keo tai tượng.

5. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán thì hàng tháng người phải thi hành án

còn phải trả khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian và số tiền chậm trả tại thời điểm thanh toán.

6. Ông Quách Thành T2 có nghĩa vụ thanh toán cho ông Nguyễn Văn C 50% chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản bằng số tiền là 850.000 đồng (Tám trăm năm mươi nghìn đồng). Ông Nguyễn Văn C và bà Phạm Thị N có nghĩa vụ thanh toán cho ông Quách Thành T1 50% chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản bằng số tiền là 5.200.000 đồng (Năm triệu, hai trăm nghìn đồng).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và thông báo quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định pháp luật.

Ngày 12-01-2023 nguyên đơn ông Nguyễn Văn C kháng cáo một phần bản án dân sự sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn là không chấp nhận yêu cầu đòi lại đất và bồi thường tường rào của bị đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn vẫn giữ nguyên đơn khởi kiện và vẫn giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo.

Vị Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng về tính có căn cứ và hợp pháp của kháng cáo, việc tuân theo và chấp hành pháp luật tố tụng của những người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm. Đồng thời, phát biểu quan điểm về nội dung kháng cáo đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra các chứng cứ tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng, ý kiến phát biểu và đề nghị của những người tham gia tố tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về chủ thể, nội dung, hình thức đơn kháng cáo và thời hạn kháng cáo của nguyên đơn là đúng theo quy định tại Điều 271, Điều 272 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự nên kháng cáo hợp lệ và đúng theo luật định.

[2] Nội dung vụ án: Quyết định của bản án sơ thẩm đã chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn ông Quách Thành T1 và ông Quách Thành T2 về việc buộc nguyên đơn bồi thường thiệt hại cho ông T1 về phần hàng rào và buộc ông trả lại đất cho ông T1. Không đồng ý với phần bản án sơ thẩm tuyên nên ông Nguyễn Văn C kháng cáo.

[3] Xét kháng cáo của nguyên đơn ông Nguyễn Văn C đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn về việc đòi lại quyền sử dụng đất. Nhận thấy:

[4] Tại Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 02-7-2021, phần đất tranh chấp có diện tích 183,2m^2 thuộc các thửa đất 389 và 444, tờ bản đồ số 06, tọa lạc tại ấp X, xã M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng, có tứ cạnh: hướng Đông giáp phần đất của ông Võ Thanh Hiệp có số đo 10,22m; hướng Tây giáp phần đất của ông Nguyễn Văn C có số đo 13,13m; hướng Nam giáp sông có số đo 16,34m; hướng Bắc giáp phần đất còn lại của thửa đất 389 và 444 do ông T1 và bà M đang quản lý sử dụng không có tranh chấp có số đo 15,66m. Nhưng tại phiên tòa sơ thẩm, ông T1 thay đổi yêu cầu phản tố chỉ yêu cầu ông Nguyễn Văn C và bà Phạm Thị N trả lại phần đất có diện tích 181,9m^2 thuộc các thửa đất 389 và 444, cùng tờ bản đồ số 06, tọa lạc tại ấp X, xã M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng vì trong diện tích 183,2m^2 có một phần đất diện tích 1,31m^2 nằm ở hướng Tây giáp phần đất của ông Nguyễn Văn C đã được Tòa án giải quyết tại Bản án số 08/2011/DSST ngày 07-3-2011 đang có hiệu lực pháp luật. Do vậy, Hội đồng xét xử sơ thẩm chỉ xem xét yêu cầu phản tố của ông T1 đối với phần đất có diện tích 181,9m^2 thuộc các thửa đất 389 và 444, tờ bản đồ số 06, tọa lạc tại ấp X, xã M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng, có tứ cạnh: hướng Đông giáp phần đất của ông Võ Thanh Hiệp có số đo 10,22m; hướng Tây giáp phần đất còn lại của thửa đất số 389 và 444 thuộc quyền sử dụng của ông T1 và bà M đã được giải quyết tại Bản án số 08/2011/DSST ngày 07-3-2011 của Tòa án nhân dân huyện M có số đo 13,13m; hướng Nam giáp sông có số đo 16,24m; hướng Bắc giáp phần đất còn lại của thửa đất 389 và 444 do ông T1 và bà M đang quản lý sử dụng không có tranh chấp có số đo 15,56m là có căn cứ, đúng pháp luật.

[5] Về nguồn gốc và quá trình sử dụng phần đất tranh chấp, các đương sự đều thống nhất phần đất tranh chấp có nguồn gốc là của ông Nguyễn Văn C và bà Phạm Thị N. Tuy nhiên, ông Quách Thành T1 và bà N Thị Kim M cho rằng đã nhận chuyển nhượng từ ông Nguyễn Văn C và bà Phạm Thị N vào năm 1997 và năm 2004; còn phía ông Nguyễn Văn C và bà Phạm Thị N thì cho rằng chỉ chuyển nhượng cho ông Quách Thành T1 và bà N Thị Kim M phần đất có chiều dài 106m từ lộ đo vào, chứ không có chuyển nhượng phần đất tranh chấp. Qua xem xét các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, tại "Giấy chuyển nhượng đất ngày 20/1/1997" và "BIÊN NHẬN ngày 08/06/2004" thể hiện ông Nguyễn Văn C và bà Phạm Thị N chuyển nhượng cho ông Quách Thành T1 và bà N Thị Kim M hai phần đất có chiều ngang lần lượt là "11m" và "10m"; chiều dài lần lượt là "từ mí lộ đến sông" và "dọc xuống sông". Mặt khác, tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, số AC 029002, ngày 26-4-2005 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, số AC 464834, ngày 12-03-2009 do Ủy ban nhân dân huyện M cấp cho ông T1 và bà M tại các thửa đất 389 và 444, tờ bản đồ số 06, tọa lạc tại ấp X, xã M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng thì cạnh hướng Nam của các thửa đất đều giáp sông, chứ không có giáp phần đất nào của ông C và bà N. Đồng thời, tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cấp cho hộ ông Nguyễn Văn C tại thửa đất 316, tờ bản đồ số 6, tọa lạc tại ấp X, xã

M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng ngày 18-3-2010 thì cạnh hướng Đông thửa đất 316 của ông Nguyễn Văn C, bà Phạm Thị N giáp với thửa đất 444 của ông T1, bà M và là một đường thẳng từ giáp đường Tỉnh lộ 939 thẳng xuống sông. Ngoài ra, tại Bản án số 08/2011/DSST ngày 07-3-2011 của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Sóc Trăng đã giải quyết tranh chấp về ranh đất giữa ông Quách Thành T1 và bà N Thị Kim M với ông Nguyễn Văn C, bà Phạm Thị N cũng thể hiện phần đất ông Quách Thành T1 và bà N Thị Kim M quản lý sử dụng tại các thửa đất 389 và 444, tờ bản đồ số 06, tọa lạc tại ấp X, xã M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng có cạnh hướng Nam giáp sông chứ không có giáp phần đất nào của ông Nguyễn Văn C và bà Phạm Thị N. Từ các căn cứ nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định vào năm 1997 và năm 2004, ông C, bà N đã chuyển nhượng phần đất tranh chấp cho ông Quách Thành T1 và bà Nguyễn Thị Kim M và ông T1, bà M đã quản lý sử dụng đất kể từ khi nhận chuyển nhượng đất và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định pháp luật. Tòa án cấp sơ thẩm đã chấp nhận yêu cầu của ông Quách Thành T1 đòi lại quyền sử dụng đối với phần đất tranh chấp có diện tích 181,9m^2 thuộc các thửa đất 389 và 444, tờ bản đồ số 06, tọa lạc tại ấp X, xã M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng là có cơ sở, phù hợp với quy định tại các Điều 166 của Luật Đất đai 2013 và Điều 166 của Bộ luật Dân sự năm 2015, do vậy kháng cáo của nguyên đơn ông Nguyễn Văn C yêu cầu Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu phản tố này của bị đơn là không có căn cứ chấp nhận.

[6] Xét kháng cáo của nguyên đơn Nguyễn Văn C yêu cầu Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Quách Thành T1 về phần bồi thường thiệt hại đối với hàng rào, nhận thấy: Tại Biên bản về việc đối tượng đập phá xô ngã cột làm sai lệch mốc chỉ giới sử dụng đất ngày 09-7-2015 và Biên bản về việc xác minh hộ ông Nguyễn Văn C xô sập, ngã hàng rào cột làm sai lệch mốc chỉ giới sử dụng đất ngày 17-12-2015 do Tổ công tác của Ủy ban nhân dân xã M lập đều xác định ông C và bà N có hành vi phá sập hàng rào và xô ngã cộc mốc chỉ giới sử dụng đất, từ đó có cơ sở xác định ông C và bà N đã có hành vi gây thiệt hại về tài sản cho ông T1 vào ngày 09-7-2015 và ngày 17-12-2015. Căn cứ vào Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 02-7-2021 xác định hiện trạng tài sản bị thiệt hại đã thay đổi không còn để lại dấu vết thiệt hại nên Tòa án không thể trưng cầu định giá tài sản được. Tuy nhiên, ông T1 có giao nộp các chứng từ mua vật tư xây dựng hàng rào và tiền công người xây dựng hàng rào vào ngày 09-7-2015 và ngày 17-12-2015, qua xem xét các chứng từ do ông T1 giao nộp là phù hợp với thực tế tại địa phương nên việc ông Quách Thành T1 yêu cầu ông Nguyễn Văn C và bà Phạm Thị N liên đới bồi thường thiệt hại về hàng rào 02 (hai) lần nêu trên theo các chứng từ với số tiền 3.140.000 đồng (Ba triệu, một trăm bốn mươi nghìn đồng) là có cơ sở. Cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Quách Thành T1, buộc ông Nguyễn Văn C và bà Phạm Thị N liên đới bồi thường cho ông Quách Thành T1 và bà N

Thị Kim M số tiền thiệt hại hàng rào là 3.140.000 đồng là có căn cứ, phù hợp Điều 589 Bộ luật Dân sự năm 2015. Kháng cáo của nguyên đơn ông Nguyễn Văn C không đồng ý bồi thường thiệt hại hàng rào cho ông Quách Thành T1 là không có căn cứ chấp nhận.

[7] Từ cơ sở phân tích tại các mục [3], [4], [5], [6] nêu trên đủ căn cứ chứng minh toàn bộ kháng cáo của nguyên đơn ông Nguyễn Văn C là không có căn cứ chấp nhận.

[8] Lời đề nghị của vị Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm là có căn cứ chấp nhận.

[9] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do bản án sơ thẩm được giữ nguyên nên người kháng cáo phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.Tuy nhiên, do ông Nguyễn Văn C sinh năm 1946 là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí, căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ông Nguyễn Văn C thuộc trường hợp được miễn án phí.

[10] Các phần khác của quyết định bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét và có hiệu lực pháp luật kể từ thời điểm hết hạn kháng cáo, kháng nghị theo quy định tại Điều 273 và Điều 280 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308, khoản 1 Điều 148 và khoản 6 Điều 313 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Tuyên xử:

Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Nguyễn Văn C. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 45/2022/DS-ST ngày 25 tháng 12 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Sóc Trăng. Như sau:

Căn cứ khoản 6, 9 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 157, Điều 158, Điều 165, Điều 166; Điều 244; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 của Bộ Luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ Điều 166, Điều 203 của Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ các Điều 166, 278; 357; 584; 585; 586; 587 và 589 của Bộ luật Dân sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 1, 4, 5 Điều 26 và khoản 1 Điều 27 của Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn C.

Buộc ông Quách Thành T2 có trách nhiệm bồi thường cho ông Nguyễn

Văn C và bà Phạm Thị N số tiền thiệt hại cây trồng là 4.786.988 đồng *(Bốn triệu, bảy trăm tám mươi sáu nghìn, chín trăm tám mươi tám đồng).*

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn C về việc yêu cầu ông Quách Thành T1 bồi thường thiệt hại hàng rào số tiền 5.000.000 đồng *(Năm triệu đồng).*

3. Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của ông Quách Thành T1.

- Buộc ông Nguyễn Văn C và bà Phạm Thị N liên đới bồi thường cho ông Quách Thành T1 và bà Nguyễn Thị Kim M số tiền thiệt hại hàng rào là 3.140.000 đồng *(Ba triệu, một trăm bốn mươi nghìn đồng).*

- Buộc ông Nguyễn Văn C và bà Phạm Thị N có nghĩa vụ trả cho ông Quách Thành T1 và bà Nguyễn Thị Kim M phần đất có diện tích 181,9m^2 thuộc các thửa đất 389 và 444, tờ bản đồ số 06, tọa lạc tại ấp X, xã M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng, có tứ cạnh: Hướng Đông giáp phần đất của ông Võ Thành Hiệp, số đo 10,22m; Hướng Tây giáp phần đất thuộc quyền sử dụng của ông Quách Thành T1 và bà Nguyễn Thị Kim M đã được giải quyết tại Bản án số 08/2011/DSST ngày 07-3-2011 của Tòa án nhân dân dân huyện M, số đo 13,13m; Hướng Nam giáp Sông, số đo 16,24m; Hướng Bắc giáp phần đất còn lại thuộc các thửa đất 389 và 444, tờ bản đồ số 06, tọa lạc tại ấp X, xã M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng do ông Quách Thành T1 và bà Nguyễn Thị Kim M đang quản lý sử dụng không có tranh chấp, số đo 15,56m *(có sơ đồ bản vẽ kèm theo).*

- Giao cho ông Quách Thành T1 và bà N Thị Kim M tiếp tục quản lý, sử dụng ổn định các cây trồng theo kết quả thẩm định tại chỗ ngày 02-7-2021, gồm: 09 *(Chín)* cây keo lá tràm ba năm tuổi; 08 *(Tám)* cây dừa một năm tuổi và 01 (Một) cây chuối loại B.

- Ông Quách Thành T1 và bà Nguyễn Thị Kim M có nghĩa vụ thanh toán cho ông Nguyễn Văn C và bà Phạm Thị N phần giá trị các cây trồng nêu trên số tiền là 12.237.450 đồng *(Mười hai triệu, hai trăm ba mươi bảy nghìn, bốn trăm năm mươi đồng).*

- Ông Nguyễn Văn C và bà Phạm Thị N có nghĩa vụ di dời các loại cây trồng mới phát sinh sau khi Tòa án thẩm định tại chỗ ngày 02-7-2021, gồm: 06 *(sáu)* cây dừa dưới một năm tuổi, 04 *(Bốn)* cây cà na dưới một năm tuổi, 07 *(bảy)* cây chuối dưới một năm tuổi ra khỏi phần đất có diện tích 181,9m^2 thuộc các thửa đất 389 và 444, tờ bản đồ số 06, tọa lạc tại ấp X, xã M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng để giao trả đất cho ông Quách Thành T1 và bà N Thị Kim M.

4. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Quách Thành T1 về việc yêu cầu Nguyễn Văn C và bà Phạm Thị N bồi thường số tiền 10.000.000 đồng *(Mười triệu đồng)* giá trị của 10 *(Mười)* cây keo tai tượng.

5. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải trả khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468

của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian và số tiền chậm trả tại thời điểm thanh toán.

6. Ông Quách Thành T2 có nghĩa vụ thanh toán cho ông Nguyễn Văn C 50% chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản bằng số tiền là 850.000 đồng *(Tám trăm năm mươi nghìn đồng)*. Ông Nguyễn Văn C và bà Phạm Thị N có nghĩa vụ thanh toán cho ông Quách Thành T1 50% chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản bằng số tiền là 5.200.000 đồng *(Năm triệu, hai trăm nghìn đồng)*.

7. Về án phí sơ thẩm:

- Ông Nguyễn Văn C và bà Phạm Thị N được miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm;

- Ông Quách Thành T2 phải chịu án phí có giá ngạch là 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng);*

- Ông Quách Thành T1 phải chịu án phí có giá ngạch là 500.000 đồng *(Năm trăm nghìn đồng),* nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 654.000 đồng *(Sáu trăm năm mươi bốn nghìn đồng)* theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số 0008963 ngày 04-3-2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M. Ông Quách Thành T1 được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí còn thừa là 154.000 đồng *(Một trăm năm mươi bốn nghìn đồng)*.

8. Về án phí phúc thẩm: ông Nguyễn Văn C được miễn nộp án phí dân sự phúc thẩm.

9. Bản án phúc thẩm này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

10. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải Thi hành án có quyền thỏa thuận Thi hành án, quyền yêu cầu Thi hành án, tự nguyện Thi hành án hoặc bị cưỡng chế Thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- TAND huyện Mỹ Tú;
- Chi cục THA.DS huyện Mỹ Tú
- Các đương sự;
- Tòa dân sự;
- Văn phòng;
- Lưu hồ sơ vụ án – VP;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Tăng Thị Thúy Nga